

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế và dự toán chi phí

Đồ án: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000

Khu nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể thủy sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Theo Văn bản số 1777/UBND-TH ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh Bình Định về chủ trương lập Quy hoạch phân khu chức năng khu nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao tại xã Cát Thành, Cát Hải, huyện Phù Cát.

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 90/TTr-SXD ngày 23/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao.

2. Phạm vi ranh giới quy hoạch: Thuộc xã Cát Thành và xã Cát Hải, huyện Phù Cát, có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp: Rừng trồng phi lao và bãi cát;
- Phía Nam giáp: Rừng trồng phi lao và bãi cát;
- Phía Đông giáp: Biển Đông;
- Phía Tây giáp: Rừng trồng phi lao, bãi cát và Xí nghiệp Sa khoáng Nam Đê Gi.

3. Tính chất, mục tiêu quy hoạch:

- Quy hoạch tạo quỹ đất đầu tư xây dựng khu nuôi trồng thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Làm cơ sở lập các đồ án quy hoạch chi tiết, quản lý đầu tư và các khu chức năng khu nuôi trồng thủy sản.

4. - Yêu cầu quy hoạch: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng, các tiêu chuẩn, quy phạm khác có liên quan. Các yêu cầu cụ thể bao gồm:

a) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng đất xây dựng Khu nuôi trồng thủy sản, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; các quy định của quy hoạch chung có liên quan đến khu vực quy hoạch.

b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch sản xuất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch.

c) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

- Xác định các khu chức năng trong khu vực quy hoạch;

- Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình; khoảng lùi công trình đối với các trục đường; vị trí, quy mô các công trình ngầm.

- Xác định nguyên tắc, yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đối với từng khu chức năng.

d) Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được bố trí đến mạng lưới đường nội bộ, bao gồm các nội dung sau:

- Xác định cốt xây dựng đối với khu chức năng;

- Xác định mạng lưới giao thông (kể cả đường đi bộ);

- Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các công trình hạ tầng; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết;

- Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối và chiếu sáng;

- Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc;

- Xác định lượng nước thải, rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước bẩn, chất thải.

đ) Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu.

e) Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch phân khu.

5. Quy mô quy hoạch xây dựng:

- Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000, quy mô quy hoạch xây dựng khoảng 220 (bao gồm 48ha quy hoạch chi tiết được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1684/QĐ-UBND ngày 18/5/2016).

- Bản đồ địa hình hiện trạng tỷ lệ 1/2000 theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, cao độ Nhà nước, quy mô 172ha.

6. Thành phần hồ sơ bản vẽ quy hoạch:

a) Bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/25.000.
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2.000.
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2.000.
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2.000.
- Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2.000.
- Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/2.000.
- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/2.000.
- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/2.000.
- Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược, tỷ lệ 1/2.000.

Hồ sơ bao gồm các bản vẽ đen trắng đúng tỷ lệ, bản vẽ màu thu nhỏ, đĩa CD lưu toàn bộ hồ sơ quy hoạch.

b) Báo cáo tổng hợp: Thuyết minh quy hoạch, dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt quy hoạch, dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

7. Dự toán chi phí lập quy hoạch: Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

Tổng giá trị dự toán: **716.540.000** đồng (*Bảy trăm mười sáu triệu, năm trăm bốn mươi ngàn đồng*)

Trong đó :

- | | |
|--|-------------------|
| - Lập bản đồ địa hình khu vực quy hoạch: | 262.287.000 đồng. |
| - Chi phí thiết kế quy hoạch: | 321.480.000 đồng. |
| - Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch: | 37.986.000 đồng. |
| - Chi phí khác: | 94.787.000 đồng. |

8. Nguồn vốn: Vốn ngân sách.

9. Tiến độ thực hiện: Hoàn thành đồ án không quá 9 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt.

3
gđh

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt tại Điều 1 để tổ chức thiết kế quy hoạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Tài chính, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP: CN, NN;
- Lưu: VT, K13, K14. *10/4*



Trần Châu